

Bản án số: **18/2024/DS-ST**

Ngày: 23/01/2024

V/v T/C đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23/01/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 463/2023/TLST-DS, ngày 01/12/2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Cẩm H**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn D trình bày: Vào năm 2020, ông D có đứng tên mua xe trả góp dùm cho bà Trần Thị Cẩm H1 vì bà H1 bị nợ xấu nên không đứng tên mua xe trả góp được, bà H1 có nhờ ông D đứng tên mua xe dùm. Ông D trả trước 5.400.000 đồng, số tiền còn lại trả hàng tháng 2.305.000 đồng trong 12 tháng. Sau đó, ông D cùng bà H1 đến Công an huyện C đăng ký xe với biển số 83G1-038.96, do ông D đứng tên chủ sở hữu. Đăng ký xe xong thì ông D giao xe cho bà H1 chạy làm phương tiện đi lại. Bà H1 hứa với ông D mỗi tháng sẽ đóng tiền trả góp xe nhưng không thực hiện.

Vào tháng 12/2021, bà H1 nói với ông D là đang gặp khó khăn về kinh tế không có tiền đóng hui và lo cho con vì dịch bệnh Covid-19 nên bà có điện thoại hỏi ý kiến ông D cầm tạm thời chiếc xe để có tiền trả cho ông D đã đóng tiền góp dùm chiếc xe trong những tháng qua. Ông D đồng ý cho bà H1 cầm cố tạm thời chiếc xe với số tiền là 14.000.000 đồng.

Vào khoảng tháng 03/2022, bà H1 nói với ông D là do kinh tế khó khăn nên đã bán chiếc xe. Ông D nói với bà H1 là bán xe mà không có sự đồng ý của ông thì phải trả số tiền ông đóng tiền góp 12 tháng là 27.660.000 đồng. Bà H1 cũng đồng ý và hứa hẹn nhưng vẫn không trả tiền cho ông D.

Vào tháng 5/2023, ông D có gửi đơn trình báo Công an huyện C nhưng do không đủ chứng cứ, chứng minh bà H1 phạm tội Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản người khác nên đã không khởi tố vụ án hình sự.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Cẩm H trả cho ông D số tiền là 27.660.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm H trình bày: Bà H thống nhất có nhờ ông D đứng ra mua xe trả góp đối với xe mô tô biển số 83G1-038.96, nhưng do ông D đứng tên chủ sở hữu. Bà đã đưa cho ông D trả trước số tiền hơn 6.000.000 đồng, số còn lại trả góp 12 tháng với số tiền 2.305.000 đồng/tháng, tổng cộng là 27.660.000 đồng. Bà H thống nhất ông D đã đóng thay cho bà số tiền trả góp là 27.660.000 đồng. Bà có cầm chiếc xe với số tiền 14.000.000 đồng nhưng được sự đồng ý của ông D. Số tiền 14.000.000 đồng do bà Hồng g. Sau đó, bà có hỏi ông D được bán chiếc xe trên và ông D đã đồng ý cho bà bán cho chỗ cầm xe trước đó.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Ông D có đứng ra mua xe trả góp cho bà H đối với xe mô tô biển số 83G1-038.96, do ông D đứng tên chủ sở hữu. Bà H đã đưa cho ông D số tiền phải trả trước, số còn lại trả góp 12 tháng với số tiền 2.305.000 đồng/tháng, tổng cộng là 27.660.000 đồng ông D đã đóng thay là 27.660.000 đồng. Sau đó, ông D có đồng ý cho bà H mượn xe đem cầm

được số tiền 14.000.000 đồng, do bà H nhận. Đây là những tình tiết các đương sự đã thống nhất không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau đó bà H có bán chiếc xe trên. Tuy nhiên giữa ông D và bà H không thống nhất là ông D có đồng ý cho H bán hay không.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù xe do ông D đứng tên nhưng các bên đều thừa nhận xe là của bà H nhờ mua và đứng tên. Bà H đã đưa tiền cho ông D số tiền phải trả trước khi mua xe cho cửa hàng, số tiền còn trả góp là 27.660.000 đồng, ông D đã đóng thay. Việc bà H đem cầm cố và bán chiếc xe các bên trình bày chưa thống nhất nhưng số tiền cầm xe và bán xe bà H đều khai do bà H nhận. Chiếc xe đã không còn nhưng bà H vẫn chưa trả số tiền trả góp mà ông D đã trả thay là 27.660.000 đồng. Nay ông D yêu cầu bà trả lại số tiền trên cho ông là có căn cứ cần được chấp nhận nên cần áp dụng Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà H trả lại số tiền ông D đã đóng thay là 27.660.000 đồng.

Đối với ý kiến của bà H, bà không đồng ý trả số tiền trả góp mà ông D trả thay cho bà với lý do là bà và ông D chung sống với nhau như vợ chồng. Ông D đã tặng cho bà chiếc xe trên nên bà không đồng ý trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, cho đến thời điểm này, ông D không thừa nhận và bà H không có chứng cứ chứng minh ông D đã tặng cho bà chiếc xe cũng như tặng cho bà số tiền trả góp nêu trên. Đồng thời, thời điểm ông D mua xe dùng bà, ông D có gia đình riêng, giữa bà và ông D không có đăng ký kết hôn nên cũng không phải là vợ chồng để xác định tài sản chung. Do đó, ý kiến và yêu cầu của bà không có căn cứ để được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 27.660.000 đồng x 5% = 1.383.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn D số tiền mua xe trả góp ông D đã đóng thay là 27.660.000 đồng .

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Huỳnh Văn D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị Cẩm H còn phải có trách nhiệm trả lãi cho ông Huỳnh Văn D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.383.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 690.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001011 ngày 29/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa